

Bản án số: 244/2025/HC-PT

Ngày 15 tháng 5 năm 2025

*“V/v khiếu kiện quyết định hành chính  
trong lĩnh vực quản lý đất đai”*

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

**- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng;

Các Thẩm phán: Bà Phan Thị Vân Hương;

Ông Phạm Văn Hợp.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Ngọc Gia Linh, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Ngô Ý Nhi, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 126/2025/TLPT-HC ngày 06 tháng 3 năm 2025 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2025/H4C-ST ngày 13 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1131/2025/QĐ-PT ngày 28 tháng 4 năm 2025; giữa các đương sự:

**- Người khởi kiện:** Ông **Hồ Đăng Q**, sinh năm 1982; địa chỉ: **Thôn P, xã P, huyện L, tỉnh Quảng Bình**; có mặt.

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:** Ông **Nguyễn Thành Đ** (vắng mặt), ông **Nguyễn Chí T** (có mặt), ông **Đinh Xuân L** (vắng mặt), ông **Lê Tấn P** (vắng mặt); đều là Luật sư thuộc **Văn phòng L1, Đoàn Luật sư Thành phố Đ**.

**- Người bị kiện:** Chủ tịch **UBND huyện L**, tỉnh Quảng Bình; có đơn xin hoãn phiên tòa.

**Người đại diện theo ủy quyền:** Ông **Nguyễn Hữu H**, chức vụ: Phó Chủ tịch; vắng mặt.

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:** Ông **Nguyễn Xuân T1**, chức vụ: Trưởng **phòng T2** (nay là **phòng T2**) **huyện L, tỉnh Quảng Bình**; vắng mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Chủ tịch UBND xã P, huyện L, tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn V, chức vụ: Phó Chủ tịch; vắng mặt.

2. Chủ tịch Hội đồng giải phóng mặt bằng cao tốc Bắc Nam huyện L, tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân T1, chức vụ: Trưởng phòng Phòng T2 (nay là Phòng T2) huyện L, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

- **Người kháng cáo:** Người khởi kiện ông Hồ Đăng Q.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tóm tắt nội dung vụ án, quyết định của Toà án cấp sơ thẩm, nội dung kháng cáo như sau:

- Người khởi kiện ông Hồ Đăng Q và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trình bày:

Ông Hồ Đăng Q là người sử dụng đất, nhà ở và tài sản gắn liền với thửa đất số 39, tờ bản đồ 41, địa chỉ thôn P, xã P, huyện L, tỉnh Quảng Bình; nguồn gốc đất là do gia đình khai hoang từ năm 2000 và làm nhà ở từ năm 2003 đến nay. Gia đình ông Hồ Đăng Q chấp hành chủ trương của Nhà nước về thực hiện Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025, đoạn qua huyện L, tỉnh Quảng Bình đợt 159 tại xã P (viết tắt là Dự án cao tốc Bắc - N) nhưng việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chưa phù hợp. Ngày 31/5/2024, Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện L có Quyết định số 1983/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB Dự án cao tốc Bắc - Nam thu hồi đất của 06 hộ gia đình và cá nhân trên địa bàn trong đó có cá nhân ông (viết tắt là Quyết định 1983). Ngày 31/05/2024, UBND huyện L có Quyết định số 1984/QĐ-UBND thu hồi đất để thực hiện Dự án cao tốc Bắc - Nam, thu hồi đất của 06 hộ gia đình và cá nhân trên địa bàn trong đó cá nhân ông bị thu hồi 2.875,9m<sup>2</sup> (viết tắt là Quyết định 1984). Ngày 28/8/2024, Chủ tịch UBND huyện L có Quyết định số 3253/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất (viết tắt là Quyết định 3253) để thực hiện Quyết định 1984.

UBND huyện L ban hành Quyết định 1983 và Quyết định 1984 thu hồi xác định đất rừng sản xuất là không đúng dẫn đến quyết định và phương án bồi thường là thấp và không hỗ trợ tái định cư, không hỗ trợ chuyển đổi việc làm, không bố trí tái định cư và không hỗ trợ các chi phí tạm cư cho gia đình, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống, chỗ ở và các quyền lợi ích hợp pháp cả gia đình. Quyết định 3253 ban hành là không đúng thẩm quyền, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của cả gia đình. Vì vậy ông Hồ Đăng Q khởi kiện yêu cầu:

+ Huỷ Quyết định số 3253/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện L về việc cưỡng chế thu hồi đất để thực hiện Quyết định số 1984/QĐ-UBND ngày 31/5/2024

của UBND huyện L.

+ Hủy một phần Quyết định số 1983/QĐ-UBND của UBND huyện L ngày 31/5/2024 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB Dự án cao tốc Bắc - Nam đối với nội dung liên quan đến phương án bồi thường của ông Hồ Đăng Q.

+ Hủy một phần Quyết định số 1984/QĐ-UBND ngày 31/5/2024 của UBND huyện L, tỉnh Quảng Bình, quyết định thu hồi đất để thực hiện Dự án cao tốc Bắc - Nam đối với phần diện tích đất của ông Hồ Đăng Q bị thu hồi là 2.875,9m<sup>2</sup>.

- Người bị kiện UBND Lệ Thủy do người đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Ngày 01/11/2024, UBND huyện L có Văn bản số 2738/UBND-TNMT với nội dung: Thực hiện Dự án cao tốc Bắc - N, UBND huyện L đã thu hồi 2.875,9m<sup>2</sup> đất của ông Hồ Đăng Q. Theo thống kê kết quả chỉnh lý địa chính (phục vụ thu hồi đất, đợt 8) xã P do Trung tâm K lập ngày 20/6/2023, được Sở T3 phê duyệt ngày 21/6/2023 thì ông Hồ Đăng Q sử dụng thửa đất số 39 (4), tờ bản đồ số 41 tại xã P diện tích 643,1m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng đất: Đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK) (diện tích trong phạm vi quy hoạch) và thửa đất số 39 (7), tờ bản đồ số 41 tại xã P diện tích 2.232,8m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng đất: đất rừng sản xuất (RSX) (diện tích trong phạm vi quy hoạch). Ngày 3/7/2023, UBND huyện ban hành Thông báo số 1577/TB-UBND về việc thu hồi đất thực hiện Dự án cao tốc Bắc - Nam đối với diện tích theo 02 thửa đất trên của ông Hồ Đăng Q.

Thực hiện Kế hoạch số 1576/KH-UBND ngày 03/7/2023 của UBND huyện L về việc điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để thực hiện dự án, Tổ giúp việc Hội đồng giải phóng mặt bằng cao tốc xã P đã phối hợp với UBND xã P tiến hành kiểm kê khối lượng đất, tài sản trên đất bị ảnh hưởng của ông Hồ Đăng Q; gồm: Nhà 01 tầng diện tích 24m<sup>2</sup>, hàng rào kẽm gai, móng xây đá hộc xanh, hào đất, hàng rào cây xanh và các loại cây cối khác.

Căn cứ vào hồ sơ thu hồi đất và biên bản kiểm đếm tài sản của Tổ giúp việc Hội đồng giải phóng mặt bằng cao tốc xã P; UBND xã P đã họp lấy ý kiến khu dân cư xác định thời điểm hình thành tài sản, nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất để làm cơ sở cho việc lên phương án dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB.

Ngày 21/02/2024, Tổ giúp việc giải phóng mặt bằng cao tốc xã P đã hoàn thiện dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB và tham mưu cho Hội đồng GPMB cao tốc Bắc - Nam huyện ra Thông báo số 1139/TB-HĐGPMB về việc niêm yết công khai dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án; thông báo này được niêm yết công khai tại trụ sở UBND huyện L, thôn T - xã P và gửi cho ông Hồ Đăng Q.

Ngày 22/3/2024, Tổ giúp việc Hội đồng GPMB cao tốc xã P phối hợp với UBND xã P họp lấy ý kiến công khai dự thảo phương án, hỗ trợ giải phóng mặt bằng. Tại buổi họp ông Hồ Đăng Q không đồng ý về việc xác định loại đất vì cho rằng đất do gia đình khai hoang năm 2000 và làm nhà ở năm 2003, sử dụng ổn định không tranh chấp từ đó đến nay, đủ điều kiện để công nhận là đất ở, được đền bù đất ở, được hỗ

trợ đất vườn liền kề đất ở và việc xây nhà. Hội đồng giải phóng mặt bằng cao tốc **xã P** đã giải thích nhưng ông **Hồ Đăng Q** không nhất trí với dự thảo phương án bồi thường. Ngày 09/4/2024, Hội đồng GPMB cao tốc Bắc - Nam huyện cùng với Tổ giúp việc đã phối hợp với Đảng ủy, **UBMTTQVN xã P**, **UBND xã P** đối thoại với các hộ dân chưa đồng ý với phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB nhưng ông **Hồ Đăng Q** vắng mặt không có lý do. Ngày 31/5/2024, UBND huyện ban hành Quyết định 1983 đối với nội dung liên quan đến phương án bồi thường cho ông **Hồ Đăng Q** và Quyết định 1984 thu hồi của ông **Hồ Đăng Q** diện tích đất 2.875,9m<sup>2</sup>.

Việc UBND huyện ban hành các quyết định trên là đúng theo quy định tại Điều 69 Luật Đất đai về trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng; đảm bảo theo yêu cầu chỉ đạo của Thủ tướng Chính Phủ tại Công điện số 80/CD-TTg ngày 16/8/2024 tiếp tục quyết liệt, triển khai, phát huy tinh thần trách nhiệm cao nhất, huy động cả hệ thống chính trị để đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng các công trình, dự án trọng điểm quốc gia, trọng điểm ngành giao thông.

Ông **Hồ Đăng Q** đang sử dụng thửa đất số 39 (4), tờ bản đồ số 41 diện tích 643,1m<sup>2</sup>; thửa đất số 39 (7), tờ bản đồ số 41 diện tích 2.232,8m<sup>2</sup> tại **xã P**, **huyện L** có nguồn gốc nhận giao khoán của **Công ty C** (nay là **Công ty cổ phần C**) theo Hợp đồng kinh tế số 27/HĐKT/CT ngày 01/10/2000 giữa **Công ty cổ phần C** và ông **Hồ Đăng Q** về việc sản xuất kinh doanh theo mô hình kinh tế trang trại. Diện tích đất được giao theo hợp đồng là 0,9ha, trong đó: Đất rừng sản xuất 0,6ha, đất trồng cây lâu năm 0,15ha, đất trồng cây ngắn ngày 0,10ha, đất nuôi trồng thủy sản 0,05ha. Ông **Hồ Đăng Q** cho rằng nguồn gốc thửa đất là do gia đình khai hoang năm 2000 và làm nhà ở từ năm 2003 là không có cơ sở.

Tại thời điểm lên phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB thì thửa đất của ông **Hồ Đăng Q** không có giấy tờ quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 11 của Luật Đất đai nên việc xác định loại đất được xác định theo hiện trạng đang sử dụng theo quy định tại Điều 3, Điều 11 và Điều 21 Luật Đất đai năm 2013. **UBND xã P** có Thông báo số 128/TB-UBND ngày 06/02/2024 yêu cầu ông **Hồ Đăng Q** cung cấp các hồ sơ có liên quan về đất đai, hóa đơn tiền điện, các giấy tờ về thuê đất phi nông nghiệp tại thửa đất bị thu hồi nhưng ông **Hồ Đăng Q** không cung cấp được.

Căn cứ khoản 4 Điều 21 Nghị định 43, **UBND xã P** đã tổ chức họp lấy ý kiến của khu dân cư **thôn T**, **xã P** vào ngày 25/10/2023 xác định: Thửa đất số 39 (4), tờ bản đồ số 41, diện tích 643,1m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng: đất trồng cây hàng năm khác (BHK) có nguồn gốc: sử dụng ổn định để trồng cây hàng năm khác từ năm 2000 cho đến nay; thửa đất số 39 (T), tờ bản đồ số 41, diện tích 2.232,8m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng: Đất trồng rừng sản xuất (RSX) có nguồn gốc: sử dụng ổn định để trồng rừng sản xuất từ năm 2000 cho đến nay.

Ngoài ra, ngày 14/10/2024 **Điện lực L2** có Công văn số 225/ĐLLT-KD cung cấp thông tin sử dụng điện, theo đó: ông **Hồ Đăng Q** từ trước đến nay không có hợp đồng sử dụng điện với Điện lực Lệ Thủy tại **thôn T**, **xã P**. Ngày 25/10/2024, **Chi cục**

Thuế huyện L có Công văn số 1416/CCT-NVQLT về việc cung cấp thông tin nộp thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế nhà đất, theo đó Chi cục T không tìm thấy thông tin về nộp thuế sử dụng của ông Hồ Đăng Q. Khai thác thông tin tại Công ty cổ phần C từ năm 2013 2014, 2015, 2016 thì ông Hồ Đăng Q đã thực hiện nộp thuế đất nông nghiệp theo Hợp đồng trang trại (người nộp là bà Nguyễn Thị N, người bảo lãnh) theo Hợp đồng kinh tế số 27/HĐKT/CT ngày 01/10/2000 giữa Công ty cổ phần C và ông Hồ Đăng Q về việc sản xuất kinh doanh theo mô hình kinh tế trang trại. Về giấy tờ hộ khẩu: Ngày 21/10/2024, Công an xã P có Công văn số 120/CAX xác nhận ông Hồ Đăng Q có HKTT tại xã P từ ngày 29/3/2022 cho đến nay. Nơi thường trú trước khi chuyển đến: Thôn N, xã S, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Từ trước cho đến ngày 29/3/2022, ông Hồ Đăng Q không có HKTT tại địa bàn xã P, huyện L, tỉnh Quảng Bình.

Việc ông Hồ Đăng Q khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 3253/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất để thực hiện Quyết định số 1984/QĐ-UBND ngày 31/5/2024 của UBND huyện L và hủy một phần Quyết định số 1983/QĐ-UBND, Quyết định số 1984/QĐ-UBND ngày 31/5/2024 là không có cơ sở. Đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Đăng Q.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND huyện L trình bày:

Thông nhất với nội dung Văn bản số 2738/UBND-TNMT ngày 28/8/2024 của UBND huyện L. Sau khi UBND huyện ban hành Quyết định 1983 đối với nội dung liên quan đến phương án bồi thường cho ông Hồ Đăng Q và Quyết định 1984 đối thu hồi 2.875,9m<sup>2</sup> đất của ông Hồ Đăng Q đã được niêm yết tại trụ sở UBND xã P, Nhà Văn hóa thôn T4 và đã gửi các quyết định này cho ông Hồ Đăng Q. Trong các ngày 10/6/2024, ngày 14/6/2024 và ngày 18/6/2024 Hội đồng giải phóng mặt bằng cao tốc Bắc - Nam huyện tiến hành chi trả tiền cho ông Hồ Đăng Q theo Thông báo số 1667/TB-HĐGPMB ngày 10/6/2024, Thông báo số 1742/TB-HĐGPMB ngày 13/6/2024, Thông báo số 1782/TB-HĐGPMB ngày 17/6/2024 của Hội đồng giải phóng mặt bằng đường cao tốc Bắc - N1 nhưng ông Hồ Đăng Q không đến tham gia và không nhận tiền.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 93 Luật Đất đai năm 2013, Hội đồng giải phóng mặt bằng cao tốc Bắc - Nam huyện đã lập biên bản và gửi số tiền đền bù của ông Hồ Đăng Q vào tài khoản tạm giữ của Kho bạc Nhà nước huyện. Theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai năm 2013, ngày 25/6/2024 UBND xã P, UBMT Tổ quốc Việt Nam xã P, Hội đồng giải phóng mặt bằng cao tốc Bắc - Nam huyện, Tổ giúp việc Hội đồng giải phóng mặt bằng cao tốc Bắc - Nam xã P đã vận động, thuyết phục ông Hồ Đăng Q nhận tiền bồi thường, hỗ trợ GPMB và bàn giao đất nhưng ông Hồ Đăng Q không thực hiện. Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định số 3253/QĐ-UBND ngày 28/8/2024 về việc cưỡng chế thu hồi đất để thực hiện Quyết định số 1984/QĐ-UBND ngày 31/5/2024 đối với ông Hồ Đăng Q là đúng theo quy định tại Điều 87 Luật Đất đai năm 2024 về trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng; đảm bảo yêu cầu theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại

Công điện số 80/CD-TTg ngày 16/8/2024.

Việc ông **Hồ Đăng Q** cho rằng thửa đất của ông sử dụng ổn định vào mục đích sử dụng: Đất ở và đất trồng cây hàng năm khác từ năm 2003 cho đến nay là không có cơ sở; đề nghị Toà án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông **Hồ Đăng Q**.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Trần Văn V** và ông **Nguyễn Xuân T1** thống nhất cùng trình bày:*

Trên cơ sở thực hiện Dự án cao tốc Bắc - Nam; UBND huyện **L** đã thu hồi 2.875,9m<sup>2</sup> đất của ông **Hồ Đăng Q**. Theo thống kê kết quả chỉnh lý địa chính (phục vụ thu hồi đất, đợt 8) xã **P** do Trung tâm **K** lập ngày 20/6/2023 được Sở **T3** phê duyệt ngày 21/6/2023 thì ông **Hồ Đăng Q** sử dụng thửa đất số 39 (4), tờ bản đồ số 41 tại xã **P** diện tích 643,1m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng đất: Đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK) (diện tích trong phạm vi quy hoạch) và thửa đất số 39 (7) tờ bản đồ số 41 xã **P** diện tích 2.232,8m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng đất: đất rừng sản xuất (RSX) (diện tích trong phạm vi quy hoạch). Ngày 3/7/2023, UBND huyện ban hành Thông báo số 1577/TB-UBND về việc thu hồi đất thực hiện Dự án cao tốc Bắc - Nam đối với diện tích theo 02 thửa đất trên của ông **Hồ Đăng Q**. Ngày 31/5/2024, UBND huyện ban hành Quyết định 1983 đối với nội dung liên quan đến phương án bồi thường của ông **Hồ Đăng Q** và Quyết định 1984 về việc thu hồi đối với phần diện tích đất 2.875,9m<sup>2</sup> của ông **Hồ Đăng Q**.

- *Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2025/HC-ST ngày 13 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, đã quyết định:*

Áp dụng khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1 Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; các Điều 11, 21, 69 Luật Đất đai năm 2013; các Điều 87, 88, 89 Luật Đất đai năm 2024; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2024; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2024; Nghị định số 102/2024/ND-CP ngày 30/7/2024; Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông **Hồ Đăng Q** về việc yêu cầu hủy Quyết định số 1983/QĐ-UBND ngày 31/5/2024 về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025, đoạn qua huyện **L**, tỉnh Quảng Bình đợt 159 (tại xã **P**); Quyết định số 1984/QĐ-UBND ngày 31/5/2024 về thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 đoạn qua huyện **L**, tỉnh Quảng Bình đợt 159 (tại xã **P**); Quyết định số 3253/QĐ-UBND ngày 28/8/2024 của Chủ tịch UBND huyện **L**, tỉnh Quảng Bình về cưỡng chế thu hồi đất.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- *Ngày 18 tháng 01 năm 2025, người khởi kiện ông **Hồ Đăng Q** có đơn kháng*

*cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.*

***Tại phiên toà phúc thẩm:***

- Người khởi kiện ông **Hồ Đăng Q** giữ nguyên kháng cáo và trình bày: Toà án cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ tài liệu chứng cứ để giải quyết vụ án, không ghi nhận các ý kiến đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền lợi cho ông là không đúng. Đề nghị huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm để xét xử lại.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông **Hồ Đăng Q** trình bày:

Xin đính chính, ông **Hồ Đăng Q** kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận các yêu cầu khởi kiện.

Bản án sơ thẩm căn cứ Hợp đồng kinh tế số 27/HĐKT/CT ngày 01/10/2000 giữa Công ty C (nay là Công ty cổ phần C) và ông **Hồ Đăng Q** để xác định nguồn gốc đất ông **Hồ Đăng Q** bị thu hồi mà ko đưa Công ty C tham gia tố tụng; Hợp đồng kinh tế số 27/HĐKT/CT ngày 01/10/2000 có trong hồ sơ là bản sao và người thực hiện sao y là không đúng thẩm quyền; chữ ký và tên ghi **Hồ Đăng Q** trong hợp đồng không phải của ông **Hồ Đăng Q**; diện tích đất theo hợp đồng là hơn 9.000m<sup>2</sup> trong khi việc thu hồi đất của ông **Hồ Đăng Q** sử dụng chỉ có chưa đầy 3.000m<sup>2</sup> là vô lý, không thực tế; việc thu phí sử dụng đất theo hợp đồng này là không phù hợp với thời gian sử dụng đất theo hợp đồng và ông **Hồ Đăng Q** cũng không biết việc nộp thuế này. Như vậy, Hợp đồng kinh tế số 27/HĐKT/CT ngày 01/10/2000 giữa Công ty C và ông **Hồ Đăng Q** là hợp đồng giả cách, không có thực nên có cơ sở chấp nhận lời khai trình bày của ông **Hồ Đăng Q** để xác định toàn bộ diện tích đất thu hồi là đất do ông **Hồ Đăng Q** khai hoang, sử dụng ổn định từ năm 2000 đến nay.

Trên diện tích đất bị thu hồi thì ông **Hồ Đăng Q** đã làm nhà sử dụng để ở từ năm 2003, được UBND xã P xác nhận là đúng nên việc sử dụng đất của ông **Hồ Đăng Q** là hợp pháp, đủ điều kiện để công nhận quyền sử dụng đất, khi Nhà nước thu hồi đất thì phải bồi thường cho ông **Hồ Đăng Q** bằng giá đất ở và đất vườn liền kề. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo để chấp nhận toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của ông **Hồ Đăng Q** và sửa bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng sau khi phân tích nội dung và các tình tiết của vụ án, có quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định pháp luật. Kháng cáo của người khởi kiện ông **Hồ Đăng Q** là trong thời hạn, đã nộp tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm nên là hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; bác kháng cáo của người khởi kiện ông **Hồ Đăng Q**, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án; căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

### [1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện ông **Hồ Đăng Q** là trong thời hạn quy định tại Điều 206 Luật Tố tụng hành chính và đã nộp tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm nên được chấp nhận hợp lệ để xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm vắng mặt một số người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện nhưng người khởi kiện đề nghị xét xử vắng mặt họ; người bị kiện vắng mặt và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện có đơn xin hoãn phiên tòa; vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng xét thấy phiên tòa đã mở lần 02 và những người vắng mặt đã được triệu tập hợp lệ. Xét thấy sự vắng mặt của một số đương sự tại phiên tòa phúc thẩm không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án và những người vắng mặt không có kháng cáo. Căn cứ ý kiến của đương sự có mặt tại phiên tòa, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Hội đồng xét xử xét quyết định tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

### [2] Về nội dung:

[2.1] Xét tính hợp pháp của các quyết định bị kiện về thẩm quyền, trình tự thủ tục:

Chủ tịch và **UBND huyện L** ban hành Quyết định 1983, Quyết định 1984 và Quyết định 3253 là đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định tại khoản 2 Điều 6, Điều 69 Luật Đất đai năm 2013; Điều 88, Điều 89 Luật Đất đai năm 2024; Điều 17 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về thi hành một số điều của Luật Đất đai; khoản 3 Điều 17 Nghị định số 47/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

[2.2] Xét tính hợp pháp của các quyết định bị kiện về nội dung:

Ngày 31/5/2024, **UBND huyện L** có Quyết định 1983 và Quyết định 1984 thu hồi 2.875,9m<sup>2</sup> đất của ông **Hồ Đăng Q** (gồm 643,1m<sup>2</sup> tại thửa đất số 39 (4) và 2.232,8m<sup>2</sup> tại thửa đất số 39 (7), tờ bản đồ số 41 **xã P**); tài sản trên đất (gồm nhà 01 tầng diện tích 24m<sup>2</sup>, hàng rào kẽm gai, móng xây đá hộc xanh, hào đất, hàng rào cây xanh và các loại cây cối khác) là để thực hiện Dự án cao tốc Bắc - Nam theo Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội và Nghị quyết số 18/NQ-CP

ngày 11/02/2022 của Chính phủ về việc triển khai Nghị quyết số 44/2022/QH 15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội; thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích Quốc gia công cộng theo quy định tại khoản 1 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ và lời trình bày của các đương sự có tại hồ sơ có cơ sở xác định: Phần diện tích đất ông **Hồ Đăng Q** đang sử dụng, bị thu hồi để thực hiện Dự án cao tốc Bắc - Nam tại thửa đất số 39 (4), diện tích 643,1m<sup>2</sup> và thửa đất số 39 (7), diện tích 2.232,8m<sup>2</sup> thuộc tờ bản đồ số 41 tại **xã P, huyện L** có nguồn gốc nhận giao khoán của **Công ty C** (nay là **Công ty cổ phần C**) theo Hợp đồng kinh tế số 27/HĐKT/CT ngày 01/10/2000 giữa **Công ty cổ phần C** và ông **Hồ Đăng Q** về việc sản xuất kinh doanh theo mô hình kinh tế trang trại. Trong các năm 2013, 2014, 2015, 2016 ông **Hồ Đăng Q** thực hiện nộp thuế cho **Công ty cổ phần C** (người nộp là bà **Nguyễn Thị N**, người bảo lãnh).

Ông **Hồ Đăng Q** trình bày toàn bộ diện tích thửa đất bị thu hồi là do ông khai hoang sử dụng ổn định, không có ai tranh chấp từ năm 2000 cho đến khi bị thu hồi, trên đất năm 2003 ông đã làm nhà ở nên đủ điều kiện để công nhận và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi Nhà nước thu hồi đất thì phải được bồi thường bằng đất ở và đất vườn liền kề nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh; không cung cấp được giấy tờ liên quan đến việc sử dụng phần diện tích đất bị thu hồi (như hoá đơn tiền điện, các giấy tờ về thuế đất phi nông nghiệp) theo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 11 của Luật Đất đai. Tại phiên toà phúc thẩm ông **Hồ Đăng Q** trình bày thừa nhận quá trình sử dụng phần diện tích đất bị thu hồi thì ông không đăng ký, kê khai sử dụng theo quy định của pháp luật. Do đó, ông **Hồ Đăng Q** trình bày cho rằng nguồn gốc phần diện tích đất bị thu hồi để thực hiện Dự án cao tốc Bắc - Nam nêu trên là đất do gia đình khai hoang năm 2000 và làm nhà ở từ năm 2003 là không có cơ sở chấp nhận.

Do phần diện tích đất ông **Hồ Đăng Q** sử dụng bị thu hồi không có giấy tờ về đất nên loại đất được xác định theo hiện trạng sử dụng theo quy định tại Điều 11 Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 và khoản 4 Điều 3, Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, được sửa đổi bổ sung tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

**UBND xã P** đã tổ chức cuộc họp lấy ý kiến của khu dân cư **thôn T, xã P** ngày 25/10/2023, xác định: Đối với thửa đất số 39 (4), tờ bản đồ số 41 tại **xã P**, diện tích 643,1m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng: trồng cây hàng năm khác từ năm 2000 cho đến nay và thửa đất số 39 (7), tờ bản đồ số 41 tại **xã P**, diện tích 2.232,8m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng: đất rừng sản xuất (RSX) sử dụng ổn định để trồng rừng từ năm 2000 cho đến nay là đúng theo quy định tại khoản 4 Điều 21 Nghị định số 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014.

Như vậy, **UBND huyện L** ban hành Quyết định 1983 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB và ban hành Quyết định 1984 về việc thu hồi 2.875,9m<sup>2</sup> đất ông **Hồ Đăng Q** đang sử dụng để thực hiện Dự án cao tốc Bắc - Nam là đã thực hiện

đúng về nội dung, đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho ông **Hồ Đăng Q** theo đúng quy định của pháp luật. Do ông **Hồ Đăng Q** không chấp hành, không nhận tiền bồi thường, hỗ trợ, không bàn giao mặt bằng để thực hiện dự án nên Chủ tịch **UBND huyện L** ban hành Quyết định 3253 về việc cưỡng chế thu hồi đất để thực hiện Quyết định 1984 là đúng quy định của pháp luật.

[2.3] Các ý kiến trình bày của ông **Hồ Đăng Q** và của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông **Hồ Đăng Q** tại phiên tòa phúc thẩm là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông **Hồ Đăng Q**, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

[4] Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận nên ông **Hồ Đăng Q** phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Bác toàn bộ kháng cáo của người khởi kiện ông **Hồ Đăng Q**. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2025/HC-ST ngày 13 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

2. Về án phí: Người khởi kiện ông **Hồ Đăng Q** phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm; được trừ vào số tiền đã nộp tại Biên lai nộp tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005248 ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án. *Nơi nhận:*

- TAND tối cao;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Tiến Dũng**

- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HSVA, VPTA.